

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HS-ST

Ngày 26/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Xuân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Danh Chung**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*
Ông **Nguyễn Hoài Khanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 79/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024, về tội “Trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

01/ **Tô Lâm Hoàng Th;** Sinh ngày 05 tháng 02 năm 1996 tại An Giang; Nơi cư trú: Khóm H, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Tô Văn B, sinh năm: 1967 và bà Lâm Thị Kim X, sinh năm: 1967; Tiền án, tiền sự: Không; Về Nh thân bị cáo: Vào năm 2017 bị cáo bị Tòa án Nh dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/HS-ST ngày 21/12/2017. Bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 29/9/2019 và đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/6/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

02/ **Trần Văn Kh;** Sinh ngày 24 tháng 01 năm 1999 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con

ông Trần Văn B, sinh năm: 1979 và bà Dương Thị L (chết); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

03/ **Đỗ Ngọc T**; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Thợ hàn; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đỗ Văn Ng (chết) và bà Nguyễn Thị B, Sinh năm: 1948; Vợ tên Trần Thị T, sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông **Cao Hoàng Gi**, sinh năm 1959 (có mặt)

NCT: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn Nh**, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: Ấp V, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người tham gia tố tụng Khc: Chị **Nguyễn Thị Q**, là người làm chứng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 07 tháng 6 năm 2024, Tô Lâm Hoàng Th và Trần Văn Kh rủ nhau đi bắt chuột trên tuyến sông Cái Sắn, cả hai đi bằng vỏ máy của Th xuất phát từ Ấp V, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ đi dọc theo tuyến sông Cái Sắn hướng Vĩnh Thạnh về Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 08 tháng 6 năm 2024, khi cả hai đến khu vực ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Kiên Gi thì Kh phát hiện 01 vỏ bằng Composite màu xanh dài khoảng 08m, trên vỏ có đặt một máy nổ chạy bằng dầu của ông Cao Hoàng Gi đang đậu dưới bến trước nhà trên sông Cái Sắn không có người trông coi. Kh nảy sinh ý định lấy trộm vỏ máy trên để bán lấy tiền tiêu xài nên rủ Th thì Th đồng ý. Kh, Th tiếp cận vỏ máy của ông Gi, dùng cưa sắt mang theo cắt đứt dây xích khoá máy sau đó cả hai bơi vỏ máy khỏi khu vực bến nhà của ông Gi khoảng 700m rồi Kh nổ máy vỏ lấy trộm chạy đi về hướng Rạch Sỏi, Th cũng điều khiển vỏ máy chạy theo sau. Th và Kh đi được khoảng 02km thì dừng lại, Kh lấy co bơm nước, tu hút bơm nước trên vỏ máy ông Gi, Th ném xuống sông bỏ rồi tiếp tục chạy đi khi cách hiện trường khoảng 05 – 06km thì Kh, Th dừng lại dùng clê mở đầu máy nổ bên vỏ máy của ông Gi ra và cả hai khiêng đầu máy và phần láp máy để qua vỏ máy của Th, bỏ chiếc vỏ của ông Gi lại rồi cả hai điều khiển vỏ máy chạy về nhà bà Nguyễn Thị Q (sống chung như vợ chồng với Th) tại Ấp V, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Sau đó, Th gọi

điện cho Đỗ Ngọc T kêu bán máy thì T đồng ý và hẹn sáng sẽ gặp. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, T gặp Trần Văn Nh nói có máy bán rẻ hỏi Nh có nhu cầu mua về sử dụng không thì Nh đồng ý. T dẫn Nh đến nhà Q, tại đây T vào trước gặp Kh và Th trao đổi việc mua bán, Th nói cho T biết nguồn gốc máy này là do cả hai đi trộm cắp có được và kêu bán với giá 5.000.000 đồng, T đồng ý mua lại và mang máy này bán cho Nh với giá 6.500.000 đồng (bản thân Nh không biết nguồn gốc máy do phạm tội mà có), T hưởng lợi 1.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 18/6/2024 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành kết luận:

- 01 (một) chiếc vỏ bằng Composite, màu xanh – trắng, chiều dài 8,1m, trên vỏ có chữ Đức Tài, mua vào năm 2014, có giá tại thời điểm định giá tháng 06 năm 2024 là 2.633.333 đồng.

- 01 (một) đầu máy dầu nhãn hiệu Cubota-EA8-K, công suất 7HP, màu đỏ, mua vào tháng 6 năm 2022, có giá tại thời điểm định giá tháng 06 năm 2024 là 6.833.333 đồng.

- 01 (một) giàn xi lắp máy, bằng kim loại, trọng lượng 39kg (gắn liền với máy Cubota), mua vào năm 2019, có giá tại thời điểm định giá tháng 06 năm 2024 là 270.000 đồng.

- 01 (một) ống bơm nước, dài khoảng 70cm, bằng kim loại, dày khoảng 5mm, đường kính đầu vào 28cm, đầu ra 24cm, mua vào năm 2022, có giá tại thời điểm định giá tháng 06 năm 2024 là 260.000 đồng.

- 01 (một) tu hít bơm nước, bằng kim loại, đường kính đầu ra 06cm, có gắn vòi sen bằng kim loại, đường kính 10cm, mua vào năm 2022, có giá tại thời điểm định giá tháng 06 năm 2024 là 143.333 đồng.

- 01 (một) ổ khoá hiệu Khắc Tiệp, kích thước 04 x 06cm, mua vào tháng 6 năm 2023, có giá tại thời điểm định giá tháng 06 năm 2024 là 26.666 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 10.166.665 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 90/CT-VKS-CT ngày 14/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Châu Thành, tỉnh Kiên Gi đã truy tố các bị cáo Tô Lâm Hoàng Th và Trần Văn Kh về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Đỗ Ngọc T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo với tội danh trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

01/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Tô Lâm Hoàng Th** từ 09 đến 12 tháng tù.

02/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Văn Kh** từ 06 đến 09 tháng tù.

03/ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đỗ Ngọc T** từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo T.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 01 giờ sáng ngày 08 tháng 6 năm 2024, bị cáo Th và Kh đã trộm của ông Cao Hoàng Gi 01 vỏ bằng Composite màu xanh dài khoảng 08m, trên vỏ có đặt một máy nổ chạy bằng dầu đang đậu dưới bến trước nhà trên sông Cái Sắn khu vực ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, cả hai tháo đầu máy khiêng đi qua vỏ máy của Th, bỏ chiếc vỏ của ông Gi lại và chạy về nhà bà Nguyễn Thị Q gọi điện cho Đỗ Ngọc T và Th nói cho T biết nguồn gốc máy này là do cả hai đi trộm cắp có được và kêu bán với giá 5.000.000 đồng, T đồng ý mua lại và mang máy này bán cho Nh với giá 6.500.000 đồng. Theo kết quả định giá thì tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 10.166.665 đồng.

Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới

50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm... ”.

Và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự thì “*Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.... ”*

Như vậy, căn cứ với các quy định trên thì hành vi của các bị cáo Th và Kh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, còn bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” như đã viện dẫn.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng đến lĩnh vực an ninh trật tự trên địa bàn nơi xảy ra vụ án, gây bất an cho quần chúng nhân dân.

3.1 Trong vụ án này cho thấy, đối với bị cáo Th và Kh là người trưởng thành có đủ năng lực nhận thức được việc lấy trộm tài sản của người khác là hành vi sai trái và vi phạm pháp luật. Thế nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động mà muốn thụ hưởng thụ nên Th và Kh đã trộm cắp tài sản của ông Gi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây ảnh hưởng đến đời sống vật chất của bị hại, tạo dư luận xấu trong xã hội, gây bất ổn cho người dân trong việc bảo quản tài sản của mình.

Qua hồ sơ thể hiện, bị cáo Th và Kh phạm tội khi có cùng 02 người trở lên và có ý thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm nhưng do các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, giữa các bị cáo không có sự phân công cụ thể nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức. Do đó, việc đại diện VKS nhân dân huyện Châu Thành chỉ truy tố hai bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

3.2 Còn đối với bị cáo T, nhận thức được chứa chấp hay tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là hành vi vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì hám lợi nên khi được Th và Kh nhờ bị cáo đem chiếc đầu máy dầu trên đi bán bị cáo đã đồng ý. Mặc dù, biết rõ đây là tài sản trộm cắp nhưng bị cáo vẫn đem đi tiêu thụ bán cho anh Nh được 6.500.000 đồng. Sau đó, bị cáo đưa cho Th và Kh 5.000.000 đồng, bị cáo hưởng lợi 1.500.000 đồng, mà không nghĩ đến hậu quả gây ra nên bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận thống nhất

cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm và cần cách ly bị cáo Th và bị cáo Kh ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Th có nhân thân xấu vì đã 01 lần có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại cũng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng chung các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Kh và T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên hai bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T hiện đang bị bệnh, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị cáo đã bỏ đi một mình bị cáo phải nuôi 03 người con, bị cáo không có thu nhập ổn định, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, xét thấy cần áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật Hình sự, không cần thiết phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội mà cần tạo điều kiện để cho bị cáo được cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và cần thiết miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo cũng là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX nghị án, thảo luận để xem xét hình phạt khi lượng hình đối với từng bị cáo nhằm có mức án phù hợp để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

7.1. Tại phiên tòa bị hại ông Cao Hoàng Gi yêu cầu các bị cáo Trần Văn Kh và Tô Lâm Hoàng Th bồi thường tiền vô máy và các tài sản thiệt hại không thu hồi được với số tiền 7.000.000 đồng, ngoài ra ông Gi không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị cáo Th và Kh đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Gi nên HĐXX ghi nhận.

7.2 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Nh yêu cầu bị cáo Đỗ Ngọc T trả lại cho anh số tiền 6.500.000 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo T đã trả lại đủ số tiền trên cho anh Nh và do anh Nh không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

8.1 Đối 01 áo và 01 quần bằng vải thun đây là tài sản Trần Văn Kh và 01 (một) áo và 01 (một) quần bằng vải thun của Tô Lâm Hoàng Th. Các tài sản này

không liên quan đến việc phạm tội nên cần xem xét trả lại cho hai bị cáo trên là phù hợp.

8.2 Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trao trả cho ông Cao Hoàng Gi 01 (một) đầu máy dầu nhãn hiệu Cubota EA8-K công suất 7HP, màu đỏ; 01 (một) cây tuýp láp bằng kim loại dài 2,1m; 01 (một) vòng cung bằng kim loại; 01 (một) giàn xi láp bằng kim loại trọng lượng 39kg; 01 (một) thiết bị định vị; 01 (một) ổ khoá. Xét thấy việc trao trả các tài sản trên là phù hợp không trái quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

8.3. Đối với chiếc vỏ máy của bị cáo Th Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về những vấn đề khác:

9.1 Đối với anh Trần Văn Nh quá trình điều tra xác định việc mua tài sản của bị cáo Đỗ Ngọc T là ngay tình, không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự.

9.2 Đối với chị Nguyễn Thị Q quá trình điều tra xác định không biết việc các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

[10] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

1.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Tô Lâm Hoàng Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Kh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.3 Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người Khc phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo **Tô Lâm Hoàng Th 01** (một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2024.

2.2 Xử phạt bị cáo **Trần Văn Kh 09** (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2024.

2.3 Xử phạt bị cáo **Đỗ Ngọc T 01** (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đỗ Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo khoản 2 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đỗ Ngọc T.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, xử buộc các bị cáo Tô Lâm Hoàng Th và bị cáo Trần Văn Kh có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Cao Hoàng Gi số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử trả bị cáo Trần Văn Kh 01 (một) áo và 01 (một) quần bằng vải thun, trả bị cáo Tô Lâm Hoàng Th 01 (một) áo và 01 (một) quần bằng vải thun.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Xử: Buộc các bị cáo Tô Lâm Hoàng Th, Trần Văn Kh và Đỗ Ngọc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo Tô Lâm Hoàng Th và bị cáo Trần Văn Kh liên đới nộp $(7.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 350.000 \text{ đồng}$ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Gi;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Gi;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; bị hại và NLQ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân

